



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18081248 MM18084369	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 28/08/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK

Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỌC ĐƯỜNG V-STT-50

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/08/2018

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 27/08/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	< 01	ISO 21528-2:2017 (*)
2	Listeria monocytogenes	CFU/ml	< 01	ISO 11290-2:2017 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Huỳnh Yên Hà

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
9/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn

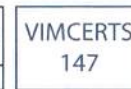
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
9/ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN18081248
MM18084369

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 27/08/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỘC ĐƯỜNG V-STT-50
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/08/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 25/08/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Antimon (Sb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,01	CASE.TN.0026(*) (Ref.TCVN 4622-94)
2	Arsen (As)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,01	AOAC 986.15(*)
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
4	Chì (Pb)	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918.216 - 217 - 218
(84.292) 3918.219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
5	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	AOAC 971.21(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Đình Hiệp

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM.
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18081248 MM18084369	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 27/08/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ *Address* : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỌC ĐƯỜNG V-STT-50**
 Số lượng/ *Quantity* : **1**
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.**
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **21/08/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **25/08/2018**

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Aflatoxin M ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (HPLC_Ref. AOAC 986.16)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Trần Đình Hiệp

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM 18001105 (84.28) 3911 7216 casehcm@case.vn	CN CẦN THƠ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ (84.292) 3918216 - 217 - 218 (84.292) 3918219 support@case.com.vn	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa (84.258) 246 5255 (84.258) 246 5355 vanphongmienntrung@case.vn
---	--	--



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18081248 MM18084369	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 27/08/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỌC ĐƯỜNG V-STT-50**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **21/08/2018**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **25/08/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Melamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0023 (GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmienntrung@case.vn



Số: 017471 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17081.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỌC ĐƯỜNG
Đặc điểm mẫu Ký hiệu mẫu: V-STT-50
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 500 mL
Ngày nhận mẫu : 22/08/2018
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/08/2018
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/08/2018
3	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	25/08/2018
4	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	24/08/2018
5	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	25/08/2018
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	25/08/2018
7	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	24/08/2018
8	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	24/08/2018
9	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	24/08/2018
10	Procaïn benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	24/08/2018
11	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	24/08/2018

Mã số mẫu: 17081.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	24/08/2018
13	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	24/08/2018
14	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/08/2018
15	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/08/2018
16	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/08/2018
17	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	24/08/2018
18	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/08/2018
19	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/08/2018
20	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	23/08/2018
21	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/08/2018
22	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	23/08/2018
23	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/08/2018
24	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/08/2018
25	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	25/08/2018
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/08/2018
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/08/2018
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/08/2018
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	25/08/2018
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	25/08/2018
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	25/08/2018
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/08/2018
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/08/2018
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	22/08/2018
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	25/08/2018
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/08/2018
37	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	25/08/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 17081.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh





Số: **017470** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17082.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP.HCM.
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK ADM GOLD - HỌC ĐƯỜNG
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-50
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 500 mL
Ngày nhận mẫu : 22/08/2018
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aldrin và dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
2	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	25/08/2018
3	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	23/08/2018
4	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	23/08/2018
5	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	23/08/2018
6	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	22/08/2018
7	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	23/08/2018
8	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	23/08/2018
9	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	23/08/2018
10	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	23/08/2018
11	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	23/08/2018

Mã số mẫu: 17082.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	23/08/2018
13	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
14	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
15	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
16	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
17	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
18	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	23/08/2018
19	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	23/08/2018
20	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	23/08/2018
21	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	23/08/2018
22	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	23/08/2018
23	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
24	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
25	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	23/08/2018
26	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	23/08/2018
27	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	23/08/2018
28	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
29	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	25/08/2018
30	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
31	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
32	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
33	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
34	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	25/08/2018
35	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
36	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
37	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
39	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	25/08/2018
40	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
41	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
42	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
43	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
44	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
45	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
46	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
47	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
48	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	25/08/2018
49	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
50	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
51	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
52	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	25/08/2018
53	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
54	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
55	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
56	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	25/08/2018
57	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
58	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
59	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	25/08/2018
60	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
61	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
62	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
63	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018

Mã số mẫu: 17082.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
65	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
66	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
67	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	25/08/2018
68	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
69	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
70	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	25/08/2018
71	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
72	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
73	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
74	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
75	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
76	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
77	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
78	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
79	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	25/08/2018
80	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
81	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
82	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	25/08/2018
83	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/08/2018
84	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	25/08/2018
85	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
86	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
87	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	25/08/2018
88	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	25/08/2018
89	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 17082.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
90	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
91	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
92	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	25/08/2018
93	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	23/08/2018
94	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	25/08/2018
95	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	25/08/2018
96	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	25/08/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



K.T. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh